TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28/5/2026
"*V/v tranh chấp ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Hùng

2. Bà Phạm Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhất Linh – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đinh Công M, sinh năm 1979, địa chỉ: N2, xã P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đinh Công M có trải qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện N, tỉnh Đăk Lăk (nay là UBND xã X, tỉnh Đăk Lăk) vào ngày 11/10/2005 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, tính cách vợ chồng trái ngược nhau, ông M không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng nhiều lần mâu thuẫn cải vã, đánh đập nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng không thể trở về sống chung với nhau được nữa, bà và ông M hiện không sống chung với nhau từ năm 2013 cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà và ông M có 02 con chung gồm: Đinh Thị Phương L, sinh ngày 01/01/2000 và Đinh Thị Hà L1, sinh ngày 16/4/2001. Các con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa, ông Đinh Công M trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H có trải qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện N, tỉnh Đăk Lăk (nay là UBND xã X, tỉnh Đăk Lăk) vào ngày 11/10/2005 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, tính cách vợ chồng trái ngược nhau, ông vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án một thời gian dài và từ đó đến nay ông và bà H không còn sống chung với nhau nữa. Nay bà H xin ly hôn thì ông cũng nhất trí.

Về con chung: Bà và ông M có 02 con chung gồm: Đinh Thị Phương L, sinh ngày 01/01/2000 và Đinh Thị Hà L1, sinh ngày 16/4/2001. Các con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Đơn khởi kiện; 01 Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; 03 Bản phô tô chứng thực căn cước công dân; 02 Bản pho to giấy khai sinh; 01 giấy xác nhận thông tin về cư trú; 01 Bản tự khai; 01 Biên bản lấy lời khai; 01 Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai phát biểu quan điểm:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

* Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị xử: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đinh Công M. Buộc bà H chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đinh Công M. Bà H là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai.

Bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Công M có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông M.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Công M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện N, tỉnh Đăk Lăk (nay là UBND xã X, tỉnh Đăk Lăk) vào ngày 11/10/2005. Việc kết hôn được thực hiện trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn hợp lệ, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Bà H và ông M đã sống ly thân nhiều năm nay, không cùng nhau xây dựng gia đình và đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Bà H và ông M có 02 con chung gồm: Đinh Thị Phương L, sinh ngày 01/01/2000 và Đinh Thị Hà L1, sinh ngày 16/4/2001. Các con chung đều đã thành niên, bà H và ông M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đinh Công M.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0004691 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Công M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 8 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 8 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Xuân, tỉnh Đăk Lăk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Văn Quảng